

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 48
8. Phụ lục	49 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011 cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bê tông 6 (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn**Công ty mẹ**

Công ty cổ phần bê tông 6 là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700364079 (số cũ 4603000013) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 8 năm 2001, lần thứ 4 ngày 8 tháng 11 năm 2006 về việc bổ sung vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 2 ngày 12 tháng 4 năm 2005 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 3 ngày 18 tháng 5 năm 2005 về việc thành lập chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 5 ngày 12 tháng 10 năm 2009 về việc thay đổi vốn điều lệ và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần 6 ngày 25 tháng 6 năm 2010 về việc thay đổi địa chỉ văn phòng đại diện.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần 7 ngày 08 tháng 9 năm 2010 về việc đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới thành Công ty cổ phần bê tông 6.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần 8 ngày 13 tháng 4 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 109.978.500.000 VND lên 329.935.500.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6)	19.569.030.000	5,93
Các cổ đông khác	310.366.470.000	94,07
Cộng	329.935.500.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (0650) 3571617 - 3750650
Fax : (0650) 3751628
E-mail : info@beton6.com
Mã số thuế : 3700364079

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 62917343
Fax : (08) 62917344

Hoạt động của Công ty cổ phần bê tông 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, phụ tùng ngành xây dựng.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	Km 1877, Quốc lộ 1K, ấp Châu Thới, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Số 4603000366 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	99,85%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	Khu kinh tế Dung Quất – xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Số 6503000028 ngày 8 tháng 01 năm 2008 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất cấp	84,93%
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất	Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Số 3403000062 ngày 03 tháng 6 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp	73,72%
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	Áp Tân Lợi, xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Số 4603000185 ngày 04 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.	57,57%
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	45B/12, Quốc lộ 1K, ấp Nội Hóa 2, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Số 3701469571 ngày 10 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	60,00%

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần bê tông 620 – Bình Minh	Áp Mỹ Hưng, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất	20,83%
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An	Áp 2, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Sản xuất, xây dựng	38,10%
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	107/C đường tỉnh 884, ấp 1, xã Sơn Đông, tỉnh Bến Tre	Sản xuất	45,00%
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	Khu B3, Khu Công nghiệp Thuận Đào, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Sản xuất	24,75%
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Áp 4, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Đầu tư xây dựng – chuyển giao công trình cầu Rạch Miễu	20,01%
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Số 46 đường 14, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hàng hóa	30,00%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Sản xuất	39,94%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk	Số 02 đường Trịnh Văn Cấn, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đầu tư	49,93%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	Áp 4, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Sản xuất	39,94%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty cổ phần bê tông 6 tăng khoảng 264 tỷ VND # 93,7% so với 6 tháng đầu năm 2010 chủ yếu là do tăng doanh thu sản phẩm bê tông và doanh thu xây dựng công trình. Ngoài ra, doanh thu sản phẩm giảm do nhu cầu thị trường.

Chi phí lãi vay 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty cổ phần bê tông 6 tăng khoảng 24 tỷ VND # 531% so với 6 tháng đầu năm 2010 chủ yếu do các khoản vay ngắn hạn tăng để phục vụ nhu cầu sản xuất tăng mạnh.

Trong kỳ, Công ty cổ phần bê tông 6 đã thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tổng số tiền là 219.957.000.000 VND tương ứng với 21.995.700 cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn điều lệ từ 109.978.500.000 VND lên 329.935.500.000 VND.

Vào ngày 09 tháng 6 năm 2011, Công ty cổ phần bê tông 6 phát hành trái phiếu với giá trị 250 tỷ VND cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thuật Việt Nam nhằm bổ sung vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án: Nhà máy Bê tông 6 Tân Uyên và Nhà máy Bê tông 6 Long Hậu.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011 đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 51).

Trong kỳ, Công ty cổ phần bê tông 6 đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 4 năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	36,41% lợi nhuận sau thuế	33.623.226.005
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	3% lợi nhuận sau thuế	2.770.451.700
Trích quỹ khen thưởng	3,5% lợi nhuận sau thuế	3.232.193.650
Trích quỹ phúc lợi	3,5% lợi nhuận sau thuế	3.232.193.650
Chi trả cổ tức	10% vốn điều lệ	32.993.550.000

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông 6 khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần bê tông 6 trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hùng	Chủ tịch	08 tháng 4 năm 2006	-
Ông Trịnh Thanh Huy	Ủy viên	30 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Trung Hậu	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2009	-
Ông Hà Đức Bình	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2009	-
Ông Nguyễn Nam Thắng	Ủy viên	07 tháng 4 năm 2010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Minh Triết	Trưởng ban	16 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Đua	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2010	-
Ông Trần Thanh Dũng	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Hậu	Tổng Giám đốc	30 tháng 9 năm 2009	-
Ông Trần Khắc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	-
Ông Phạm Đình Nhật Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	-
Ông Hà Thanh Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	26 tháng 7 năm 2004	-
Ông Trương Chí Nhân	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 8 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011 này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011 trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần beton 6 đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2011 được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6 cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 9 năm 2011



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0855/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6 VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**KÍNH GỬI: CÁC CÒ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần beton 6 và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 01 tháng 9 năm 2011, từ trang 07 đến trang 51 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần beton 6. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1257/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.165.481.997.666	787.615.834.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.017.886.703	122.034.666.722
1. Tiền	111		38.838.773.712	46.091.075.896
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.179.112.991	75.943.590.826
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	26.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	26.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		720.687.754.543	469.888.303.794
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	492.372.317.455	431.787.184.864
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	234.849.315.209	37.907.759.634
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	15.184.993.624	19.615.726.862
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(21.718.871.745)	(19.422.367.566)
IV. Hàng tồn kho	140		364.302.372.102	159.141.067.060
1. Hàng tồn kho	141	V.6	368.620.103.075	163.458.798.033
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(4.317.730.973)	(4.317.730.973)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.473.984.318	10.551.796.909
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.128.161.240	947.642.041
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.487.578.989	75.001.275
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		80.067.961	80.067.961
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	18.778.176.128	9.449.085.632

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		597.988.466.735	453.139.210.167
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		443.255.942	416.755.942
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		443.255.942	416.755.942
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		337.046.093.991	200.595.187.808
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	118.258.435.989	111.960.398.669
<i>Nguyên giá</i>	222		286.005.748.808	267.519.008.323
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(167.747.312.819)	(155.558.609.654)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	108.325.098
<i>Nguyên giá</i>	225		-	475.573.606
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(367.248.508)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	196.213.712.584	51.887.144.920
<i>Nguyên giá</i>	228		206.163.859.783	60.167.633.484
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.950.147.199)	(8.280.488.564)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	22.573.945.418	36.639.319.121
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	3.331.178.400	6.517.787.425
<i>Nguyên giá</i>	241		3.331.178.400	6.517.787.425
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		180.589.625.322	178.985.899.135
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	78.050.576.901	79.441.851.514
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	142.386.758.344	138.866.757.544
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.17	(39.847.709.923)	(39.322.709.923)
V. Tài sản dài hạn khác	260		32.884.295.402	25.482.053.934
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	17.712.493.857	10.279.679.807
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	2.256.561.685	2.256.561.685
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	12.915.239.860	12.945.812.442
VI. Lợi thế thương mại	269	V.21	43.694.017.678	41.141.525.923
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.763.470.464.401	1.240.755.044.652

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.289.009.896.482	730.607.656.840
I. Nợ ngắn hạn	310		942.372.227.194	681.314.503.488
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	481.369.989.490	287.247.125.196
2. Phải trả người bán	312	V.23	152.946.722.159	182.383.793.320
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	162.844.084.807	117.021.409.852
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	14.153.398.244	27.133.319.971
5. Phải trả người lao động	315	V.26	6.941.876.207	16.894.146.822
6. Chi phí phải trả	316	V.27	25.093.780.202	25.057.901.100
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	45.264.435.742	7.424.967.314
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.29	27.968.138.693	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	25.789.801.650	18.151.839.913
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		346.637.669.288	49.293.153.352
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.31	65.606.434.920	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.32	272.733.859.327	12.579.201.527
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.33	8.297.375.041	8.745.813.132
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.29	-	27.968.138.693
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		430.318.122.876	457.900.946.036
I. Vốn chủ sở hữu	410		430.318.122.876	457.900.946.036
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	329.935.500.000	109.978.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	-	122.689.948.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.34	-	841.347.238
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.34	57.215.672.169	120.506.074.162
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	280.916.379	32.858.605
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	42.886.034.328	103.852.218.031
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.35	44.142.445.043	52.246.441.776
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.763.470.464.401	1.240.755.044.652

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.36	7.324.102.290	7.324.102.290
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		28.043,14	70.494,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2011

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

Võ Thanh Trí
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	611.344.652.187	357.180.451.484
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	611.344.652.187	357.180.451.484
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	511.033.643.284	280.414.422.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.311.008.903	76.766.028.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.680.204.895	5.315.588.028
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	36.715.932.802	10.123.653.231
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.916.894.543	7.212.444.449
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.215.241.423	5.788.878.935
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	34.290.945.568	28.534.977.392
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.769.094.005	37.634.107.080
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.103.935.002	1.192.026.192
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.911.047.678	543.961.098
13. Lợi nhuận khác	40		(807.112.676)	648.065.094
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	(790.489.028)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.171.492.301	38.282.172.174
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	11.527.659.881	7.550.917.572
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	-	1.223.740.696
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.643.832.420	29.507.513.906
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.195.627.634	4.311.498.988
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		15.448.204.786	25.196.014.918
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	468	764


Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Người lập biểu


Võ Thanh Trí
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ T ON 6
Nguyễn Trung Hậu
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.171.492.301	38.282.172.174
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9,11,21	18.186.491.476	13.071.839.393
- Các khoản dự phòng	03	V.5,17	2.821.504.179	1.000.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(155.680.178)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.057.853.423)	(5.032.447.421)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	30.916.894.543	7.212.444.449
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		74.882.848.898	54.534.008.595
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(272.296.605.702)	35.594.748.315
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(205.264.831.174)	(76.634.535.305)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26.874.033.201)	32.497.842.152
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.622.270.671)	665.654.018
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27, VI.4	(31.457.265.793)	(8.358.271.991)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(20.957.500.483)	(13.661.903.857)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.479.736.226	5.864.312.602
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(10.780.304.610)	(3.075.070.922)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(493.890.226.510)	27.426.783.607
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(66.470.455.483)	(3.509.209.865)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.922.791.908	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.16	(3.520.000.800)	(62.569.741.544)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.000.000.000	10.150.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.689.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.625.991.087	1.074.297.421
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(30.441.673.288)	(49.165.653.988)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		599.860.803.858	140.541.083.108
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22,32	(155.633.545.724)	(80.102.683.165)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.32	(34.970.706)	(54.503.952)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(19.791.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		444.192.287.428	40.591.995.991
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(80.139.612.370)	18.853.125.610
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	122.034.666.722	47.484.269.763
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		122.832.351	(14.735.545)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	42.017.886.703	66.322.659.828

Bình Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2011

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

Võ Thanh Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

101
TN
TH
11
J
P

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần bê tông 6 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần bê tông 6 và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, phụ tùng ngành xây dựng; Khai thác chế biến khoáng sản (cao lanh, đất, đá, sỏi phún, sét gạch,...).
- Tổng số các công ty con** : 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	Km 1877, Quốc lộ 1K, ấp Châu Thới, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	99,85%	99,85%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi	Khu kinh tế Dung Quất – xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	84,93%	85,00%
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất	Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	73,72%	83,44%
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	Ấp Tân Lợi, xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	57,57%	57,57%
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	45B/12, Quốc lộ 1K, ấp Nội Hóa 2, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	60,00%	60,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần bê tông 620 – Bình Minh	Ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	20,83%	20,83%
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An	Ấp 2, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	38,10%	38,10%
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	Khu B3, Khu Công nghiệp Thuận Đào, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	24,75%	24,75%
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Ấp 4, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	20,01%	20,01%

7. Danh sách công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	107/C đường tỉnh 884, ấp 1, xã Sơn Đông, tỉnh Bến Tre	Đang trong quá trình giải thể
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Số 46 đường 14, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Đã giải thể
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk	Số 02 đường Trịnh Văn Cấn, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	Ấp 4, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Dự kiến thanh lý

Hiện tại Tập đoàn dự kiến thanh lý các khoản đầu tư này. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán toàn bộ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết này đã lập dự phòng (xem thuyết minh số V.17).

8. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Tập đoàn có 1.231 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cuối năm trước là 1.058 nhân viên).

9. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty cổ phần bê tông 6 tăng khoảng 264 tỷ VND # 93,7% so với 6 tháng đầu năm 2010 chủ yếu là do tăng doanh thu sản phẩm bê tông và doanh thu xây dựng công trình. Ngoài ra, doanh thu sản phẩm giảm do nhu cầu thị trường.

Chi phí lãi vay 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty cổ phần bê tông 6 tăng khoảng 24 tỷ VND # 531% so với 6 tháng đầu năm 2010 chủ yếu do các khoản vay ngắn hạn tăng để phục vụ nhu cầu sản xuất tăng mạnh.

Trong kỳ, Công ty cổ phần bê tông 6 đã thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tổng số tiền là 219.957.000.000 VND tương ứng với 21.995.700 cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn điều lệ từ 109.978.500.000 VND lên 329.935.500.000 VND.

Vào ngày 09 tháng 6 năm 2011, Công ty cổ phần bê tông 6 phát hành trái phiếu với giá trị 250 tỷ VND cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam nhằm bổ sung vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án: Nhà máy Bê tông 6 Tân Uyên và Nhà máy Bê tông 6 Long Hậu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông 6 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần bê tông 6 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện D'Y An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chỉ phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hoạt động sản xuất, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hoạt động xây dựng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính hữu hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7
Tài sản cố định khác	2-15

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn (thời gian sử dụng đất lâu dài) nên không tính khấu hao.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 8 đến 20 năm.

Quyền khai thác mỏ đá

Quyền khai thác mỏ đá phát sinh do đánh giá lại giá trị tài sản thuần tại ngày mua của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico. Quyền khai thác mỏ đá được khấu hao trong 226 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí mở rộng sửa chữa nhà xưởng

Chi phí sửa chữa bao gồm: Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nội trộn bê tông. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 05 năm.

Chi phí bốc tăng phủ

Chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc thuê đất xây dựng Công ty, bao gồm: chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, chi phí di dời đường dây điện 22KV và 0,4KV ra ngoài diện tích đất của Công ty và các chi phí liên quan khác... Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất (49 năm).

Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 04 năm.

Chi phí khác

Các khoản chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

15. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập bằng 5% doanh thu bán sản phẩm và 5% tổng giá trị công trình đối với các công trình xây lắp.

19. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các công ty trong Tập đoàn.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong kỳ đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
30/6/2011 : 20.618 VND/USD

23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

31/12/2011
CÓ CHỨNG T

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.860.720.744	4.524.434.396
Tiền gửi ngân hàng	32.978.052.968	41.566.641.500
Các khoản tương đương tiền	3.179.112.991	75.943.590.826
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u>42.017.886.703</u>	<u>122.034.666.722</u>

Tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định với số dư lần lượt là 9.927.025.902 VND và 9.498.045.257 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.22).

Toàn bộ số dư tiền gửi Ngân hàng của Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất là 1.218.811.673 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (xem thuyết minh số V.22).

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động xây lắp	197.202.778.012	140.752.782.976
Sản phẩm bê tông	172.653.260.898	228.346.439.081
Sản phẩm đá	10.334.057.096	9.723.222.721
Hoạt động cung cấp dịch vụ	108.007.835	119.025.935
Hoạt động thương mại	112.074.213.614	52.845.714.151
Cộng	<u>492.372.317.455</u>	<u>431.787.184.864</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà thầu thi công	28.641.217.724	19.693.931.081
Nhà cung cấp vật tư, phụ tùng	185.815.016.526	4.442.025.412
Các nhà cung cấp khác	20.393.080.959	13.771.803.141
Cộng	<u>234.849.315.209</u>	<u>37.907.759.634</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư Công ty cổ phần cảng Bình Minh)	3.274.620.871	3.274.620.871
Công ty cổ phần cảng Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư)	1.711.920.316	1.711.920.316
Cổ tức phải thu	6.138.043.333	9.058.043.333
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (vay hộ)	2.109.460.846	2.109.460.846
Ban đền bù giải phóng mặt bằng Tỉnh Quảng Ngãi	650.000.000	650.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	1.390.277.778
Lãi phải thu Công ty cổ phần đá Hoa Tân An	510.448.320	510.448.320
Các khoản khác	790.499.938	910.955.398
Cộng	<u>15.184.993.624</u>	<u>19.615.726.862</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:	21.718.871.745	19.422.367.566
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	4.285.784.758	4.285.784.758
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.477.324.028	5.180.819.849
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	9.955.762.959	9.955.762.959
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	21.718.871.745	19.422.367.566

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	19.422.367.566	19.368.540.357
Trích lập dự phòng bổ sung	2.296.504.179	-
Số cuối kỳ	21.718.871.745	19.368.540.357

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	83.815.108.347	34.947.669.433
Công cụ, dụng cụ	2.068.263.730	974.293.011
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	122.980.059.886	30.507.595.312
Thành phẩm	150.026.402.500	86.132.856.651
Hàng hóa	3.346.239.235	2.505.195.100
Hàng gửi đi bán	6.384.029.377	8.391.188.526
Cộng	368.620.103.075	163.458.798.033

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.080.368.404	1.080.368.404
Thành phẩm	3.237.362.569	3.237.362.569
Cộng	4.317.730.973	4.317.730.973

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	11.553.954.284	8.560.871.778
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	7.224.221.844	888.213.854
Cộng	18.778.176.128	9.449.085.632

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	43.861.158.425	117.051.531.335	80.987.148.014	3.799.246.135	21.819.924.414	267.519.008.323
Mua sắm trong kỳ	-	11.002.362.634	2.500.081.818	87.641.654	-	13.590.086.106
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.027.731.852	962.482.010	-	-	-	5.990.213.862
Thanh lý, nhượng bán	-	(429.954.512)	(1.149.628.577)	-	-	(1.579.583.089)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	486.023.606	-	-	486.023.606
Số cuối kỳ	48.888.890.277	128.586.421.467	82.823.624.861	3.886.887.789	21.819.924.414	286.005.748.808
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.142.995.959	37.293.900.340	23.730.156.049	1.653.981.299	276.917.705	66.097.951.352
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	13.445.681.593	78.431.673.087	51.783.222.772	2.093.278.943	9.804.753.259	155.558.609.654
Khấu hao trong kỳ	1.662.052.075	5.670.283.158	4.366.376.790	267.628.045	1.181.470.927	13.147.810.995
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi	49.673.010	-	-	-	-	49.673.010
Thanh lý, nhượng bán	-	(319.878.981)	(1.056.150.367)	-	-	(1.376.029.348)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	367.248.508	-	-	367.248.508
Số cuối kỳ	15.157.406.678	83.782.077.264	55.460.697.703	2.360.906.988	10.986.224.186	167.747.312.819
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	30.415.476.832	38.619.858.248	29.203.925.242	1.705.967.192	12.015.171.155	111.960.398.669
Số cuối kỳ	33.731.483.599	44.804.344.203	27.362.927.158	1.525.980.801	10.833.700.228	118.258.435.989
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 7.641.772.725 VND và 7.095.931.816 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina.

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 41.066.770.613 VND và 20.320.744.690 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	475.573.606
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(475.573.606)
Số cuối kỳ	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	367.248.508
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(367.248.508)
Số cuối kỳ	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	108.325.098
Số cuối kỳ	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ đá	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	29.908.936.745	30.239.326.637	19.370.102	60.167.633.484
Mua trong kỳ	129.045.150.000	-	-	129.045.150.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	16.951.076.299	-	-	16.951.076.299
Số cuối kỳ	175.905.163.044	30.239.326.637	19.370.102	206.163.859.783
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	6.256.773.816	2.007.034.950	16.679.798	8.280.488.564
Khấu hao trong kỳ	864.692.409	802.813.980	2.152.246	1.669.658.635
Số cuối kỳ	7.121.466.225	2.809.848.930	18.832.044	9.950.147.199
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	23.652.162.929	28.232.291.687	2.690.304	51.887.144.920
Số cuối kỳ	168.783.696.819	27.429.477.707	538.058	196.213.712.584
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần beton 6 được đảm bảo cho khoản trái phiếu do Công ty phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.32).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tài sản cố định trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang:	36.560.173.304	5.925.015.225	(22.941.290.161)	19.543.898.368
Công trình mỏ đá Thường Tân	600.000.000	760.000.000	-	1.360.000.000
Công trình mỏ sét Bảo lộc Lâm Đồng	19.235.444.464	1.333.528.473	(18.028.850.594)	2.540.122.343
Công trình nhà xưởng nhà máy cao lanh	559.363.636			559.363.636
Công trình mở rộng bãi đá	8.586.545.434	-	-	8.586.545.434
Công trình phòng thí nghiệm	809.090.909	2.800.307.122	(3.609.398.031)	-
Công trình mỏ đá Vàng Nhỡ	678.090.048	-	-	678.090.048
Công trình bãi cọc vuông và sản cọc vuông	1.190.246.233	128.425.631	(1.080.000.159)	238.671.705
Công trình mở rộng nhà xưởng sản xuất cọc tròn 2	4.690.628.868	617.813.334	-	5.308.442.202
Công trình nhà máy bê tông Long Hậu		142.707.950	-	142.707.950
Các hạng mục khác	210.763.712	142.232.715	(223.041.377)	129.955.050
Sửa chữa lớn tài sản cố định	79.145.817	2.950.901.233	-	3.030.047.050
Cộng	36.639.319.121	8.875.916.458	(22.941.290.161)	22.573.945.418

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	6.517.787.425
Thanh lý, nhượng bán	(3.186.609.025)
Số cuối kỳ	3.331.178.400
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Số cuối kỳ	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	6.517.787.425
Số cuối kỳ	3.331.178.400

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng liên quan đến Lô Bp-46 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty cổ phần Beton 6 chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Di An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu ⁽ⁱ⁾	Kiểm định vật liệu xây dựng, kiểm định công trình	1.150.000.000	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất sản phẩm bê tông	33.000.000.000	99,85%	99,85%	99,85%	99,85%
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Khai thác chế biến khoáng sản	52.503.000.000	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi ^(iv)	Đầu tư	40.000.000.000	84,93%	59,93%	85,00%	59,93%
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất ^(v)	Sản xuất sản phẩm bê tông	28.088.400.000	73,72%	57,58%	83,44%	83,44%

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701469571 ngày 10 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần beton 6 đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu 690.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700669521 ngày 22 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần beton 6 nắm giữ 3.295.000 cổ phiếu, tương đương 99,85% vốn điều lệ của Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700259067 ngày 16 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần beton 6 nắm giữ 57,57% vốn điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản Tân Uyên Fico.

(iv) Trong kỳ, Công ty cổ phần beton 6 đã mua thêm 1.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi với giá mua là 7.700 VND/cổ phiếu để nâng mức đầu tư trực tiếp vào Công ty này lên 13.700.000.000 VND tương đương 40% trên vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty cổ phần beton 6 cũng đầu tư gián tiếp vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi thông qua Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 với số tiền 17.973.000.000 VND tương đương 44,93% trên vốn điều lệ.

(v) Công ty cổ phần beton 6 đã đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất với số tiền 5.312.400.000 VND tương đương với 18,91% vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty cổ phần beton 6 cũng đầu tư gián tiếp vào Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất thông qua Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 và Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi với số tiền 15.394.393.167 VND tương đương 54,81% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu theo Giấy phép	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu theo Giấy phép	Giá trị
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh ⁽ⁱ⁾	Sản xuất sản phẩm bê tông	20,83%	18.264.529.172	20,83%	18.636.218.972
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất sản phẩm bê tông	38,10%	20.465.897.549	38,10%	20.310.988.252
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Xây dựng	45,00%	815.200.000	45,00%	815.200.000
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm ^(iv)	Sản xuất sản phẩm bê tông	24,75%	3.662.061.148	24,75%	3.768.222.822
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miếu ^(v)	Đầu tư xây dựng	22,00%	23.522.889.032	22,00%	24.591.221.468
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới ^(vi)	Đầu tư xây dựng	30,00%	300.000.000	30,00%	300.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam ^(vii)	Sản xuất sản phẩm bê tông, vật liệu xây dựng	40,00%	3.400.000.000	40,00%	3.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang ^(viii)	Sản xuất sản phẩm bê tông	40,00%	1.000.000.000	40,00%	1.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk ^(ix)	Đầu tư trồng rừng	50,00%	6.620.000.000	50,00%	6.620.000.000
Cộng			78.050.576.902		79.441.851.514

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500419552 ngày 27 tháng 5 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty cổ phần bê tông 6 đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh 12.500.000.000 VND, tương đương 20,83% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000140 ngày 09 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty cổ phần bê tông 6 đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 Long An 16.000.000.000 VND, tương đương 38,10% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000012 ngày 26 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty cổ phần bê tông 6 đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre 815.200.000 VND, tương đương 45,00% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 502021000028 ngày 23 tháng 8 năm 2007 do Ban Quản lý Khu Công Nghiệp Long An cấp, Công ty cổ phần bê tông 6 đầu tư vào Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm 4.950.000.000 VND, tương đương 24,75% vốn điều lệ.

(v) Theo sự ủy quyền của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6, Công ty cổ phần bê tông 6 đã tham gia góp vốn vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miếu với số tiền 29.373.968.268 VND. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miếu vẫn chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo qui định để xác nhận tư cách thành viên của Công ty cổ phần Bê tông 6.

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102041657 ngày 02 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty cổ phần bê tông 6 đầu tư vào Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới 300.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000225 ngày 20 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam 4.000.000.000 VND, tương đương 40,00% vốn điều lệ. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đã đầu tư 3.400.000.000 VND, tương đương 34% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng sao Phương Nam là 600.000.000 VND.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 642031000001 ngày 28 tháng 4 năm 2008 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang 12.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đã đầu tư 1.000.000.000 VND, tương đương 3,33% vốn điều lệ. Vào ngày 12 tháng 7 năm 2010, Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang đã giải thể theo Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang số 53/QĐ. BQL – QLĐT.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4003000185 ngày 13 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk 9.000.000.000 VND, tương đương 50,00% vốn điều lệ. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đã đầu tư 6.620.000.000 VND, tương đương 36,77% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk là 2.380.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh	18.636.218.972	61.490.348	(433.180.148)	18.264.529.172
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An	20.310.988.252	576.396.368	(421.487.071)	20.465.897.549
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	815.200.000	-	-	815.200.000
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	3.768.222.822	(106.161.674)	-	3.662.061.148
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	24.591.221.468	(1.322.214.070)	253.881.634	23.522.889.032
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	300.000.000	-	-	300.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	3.400.000.000	-	-	3.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk	6.620.000.000	-	-	6.620.000.000
Cộng	79.441.851.514	(790.489.028)	(600.785.585)	78.050.576.901

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		38.496.510.000		38.496.510.000
- Công ty cổ phần Cảng Vĩnh Long	300.000	3.060.000.000	300.000	3.060.000.000
- Công ty cổ phần Đồng Tâm	325.000	30.500.000.000	325.000	30.500.000.000
- Công ty cổ phần trang trí đá Vĩnh Cửu	60.000	2.040.000.000	60.000	2.040.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	150.000	2.050.000.000	150.000	2.050.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	89.925	846.510.000	89.925	846.510.000
Đầu tư vào đơn vị khác		23.660.000.000		23.660.000.000
- Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
- Công ty cổ phần BOT cầu Phú Mỹ	1.516.000	15.160.000.000	1.516.000	15.160.000.000
- Công ty cổ phần đá Hoa Tân An	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
Cho vay dài hạn ⁽ⁱ⁾		80.230.248.344		76.710.247.544
Cộng		142.386.758.344		138.866.757.544

- (i) Khoản cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt vay để mua cổ phần của Công ty cổ phần 3D. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt cầm cố tất cả cổ phiếu của Công ty cổ phần 3D cho Công ty cổ phần bê tông 6 với số lượng là 6.225.854 cổ phiếu. Theo đó, Công ty cổ phần bê tông 6 được phép sử dụng toàn bộ công suất sản xuất tại nhà máy của Công ty cổ phần 3D để đảm bảo nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng các khoản đầu tư vào các công ty liên kết	12.135.200.000	12.135.200.000
- Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	815.200.000	815.200.000
- Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	300.000.000	300.000.000
- Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	3.400.000.000	3.400.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk	6.620.000.000	6.620.000.000
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	27.712.509.923	27.187.509.923
- Công ty cổ phần trang trí đá Vĩnh Cửu	1.320.000.000	1.320.000.000
- Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	112.509.923	112.509.923
- Công ty cổ phần Đồng Tâm	24.650.000.000	24.650.000.000
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	1.630.000.000	1.105.000.000
Cộng	39.847.709.923	39.322.709.923

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	39.322.709.923	30.955.765.800
Trích lập trong kỳ	525.000.000	1.000.000.000
Hoàn nhập trong kỳ	-	(900.000.000)
Số cuối kỳ	39.847.709.923	31.055.765.800

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển sang TSCĐ	Số cuối kỳ
Chi phí bốc tăng phù	3.620.357.399	2.888.396.175	(267.115.412)		6.241.638.162
Chi phí thuê đất	364.807.133	-	(10.444.890)	-	354.362.243
Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng	5.681.555.865	-	(551.629.872)	-	5.129.925.993
Chi phí phát hành trái phiếu	-	5.000.000.000	(104.166.667)	-	4.895.833.333
Chi phí trả trước dài hạn khác	612.959.410	682.617.105	(194.392.389)	(10.450.000)	1.090.734.126
Cộng	10.279.679.807	8.571.013.280	(1.127.749.230)	(10.450.000)	17.712.493.857

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.256.561.685	3.190.156.379
Số hoãn nhập trong kỳ	-	(1.223.740.696)
Số cuối kỳ	2.256.561.685	1.966.415.683

20. Tài sản dài hạn khác

Khoản đặt cọc thuê văn phòng, container và thuê nhà máy của Công ty cổ phần 3D.

21. Lợi thế thương mại

Chi phí	
Số đầu năm	46.655.139.499
Tăng do mua phần vốn của Công ty con trong kỳ	5.324.820.810
Tăng khác	596.692.791
Số cuối kỳ	52.576.653.100
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	5.513.613.576
Phân bổ trong kỳ	3.369.021.846
Số cuối kỳ	8.882.635.422
Số còn phải phân bổ	
Số đầu năm	41.141.525.923
Số cuối kỳ	43.694.017.678

22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	477.800.097.490	285.314.125.196
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽ⁱ⁾	154.559.901.283	138.298.527.614
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	99.568.866.595	80.462.462.602
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99.202.115.852	41.644.438.049

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định ^(iv)</i>	93.766.407.656	-
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi ^(v)</i>	17.695.238.865	15.492.418.598
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất ^(vi)</i>	13.007.567.239	9.416.278.333
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(vii)	2.227.892.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.32)	1.342.000.000	1.933.000.000
Cộng	481.369.989.490	287.247.125.196

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty mở tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định, các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty cổ phần bê tông 6 và đối tác khác mà Công ty cổ phần bê tông 6 là người thụ hưởng và các hình thức đảm bảo khác khi ngân hàng có yêu cầu.
- (v) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 01/2008/HĐTDHM ngày 05 tháng 3 năm 2008 để bổ sung vốn lưu động; hạn mức vay là 15.000.000.000 VND; lãi suất tiền vay trong kỳ từ 12%/năm đến 18,5%/năm. Hợp đồng vay này được đảm bảo thanh toán bằng toàn bộ tài sản của Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
 - Hợp đồng tín dụng theo món số 03/2011/HĐ ngày 06 tháng 5 năm 2011 để thanh toán tiền mua thép phục vụ sản xuất; số tiền vay là 1.122.974.200 VND; thời hạn vay 3 tháng; lãi suất tiền vay 18,5%/năm. Thế chấp tài sản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐ ngày 28 tháng 01 năm 2011.
 - Hợp đồng tín dụng theo món số 04/2011/HĐ ngày 16 tháng 6 năm 2011 để thanh toán tiền lương và tiền ăn công nhân; số tiền vay là 584.333.000 VND; thời hạn vay 6 tháng; lãi suất tiền vay 21%/năm. Thế chấp tài sản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐ ngày 28 tháng 01 năm 2011.
 - Hợp đồng tín dụng theo món số 05/2011/HĐ tháng 6 năm 2011 để thanh toán tiền mua thép phục vụ sản xuất; số tiền vay 991.989.240 VND; thời hạn vay 6 tháng; lãi suất tiền vay là 19,5%/năm. Thế chấp tài sản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐ ngày 28 tháng 01 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất theo các hợp đồng sau:
- Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, hạn mức vay là 9.000.000.000 VND; lãi suất tiền vay trong kỳ từ 12%/năm đến 15%/năm. Hợp đồng vay này được đảm bảo thanh toán bằng tài sản hình thành từ vốn vay, quyền yêu cầu thanh toán phát sinh từ hợp đồng bán hàng có sử dụng vốn vay; máy móc thiết bị: 01 khuôn đúc cọc BTCT D 400 – L = 10,364 mét, 02 khuôn đúc cọc BTCT D 400 – L = 13,364 mét, 01 máy dồn đầu, 01 máy căng.
 - Hợp đồng tín dụng từng lần số 5700H1/11061/HĐ ngày 16 tháng 02 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động; hạn mức vay là 2.800.000.000 VND; thời hạn vay 10 tháng; lãi suất tiền vay điều chỉnh theo định kỳ 5 tháng 1 lần trong thời hạn cho vay theo thông báo của ngân hàng, lãi suất cho vay kỳ hạn 5 tháng đầu tiên được ghi trên Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp tài sản của hợp đồng vay này được xác định chung với các hợp đồng vay ngắn hạn và dài hạn khác giữa Công ty với Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất.
- (vii) Khoản vay cổ đông của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico với lãi suất 15%/năm từ ngày 01 tháng 6 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	285.314.125.196	344.861.175.352	(154.732.545.724)	2.357.342.666	477.800.097.490
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	2.227.892.000	-	-	2.227.892.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.933.000.000	-	(591.000.000)	-	1.342.000.000
Cộng	287.247.125.196	347.089.067.352	(155.323.545.724)	2.357.342.666	481.369.989.490

23. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp cấp	3.669.940.151	18.799.520.939
Nhà cung cấp cát	10.509.653.092	3.557.048.242
Nhà cung cấp đá	5.122.644.095	6.875.698.984
Nhà cung cấp sắt	12.533.912.896	42.282.906.815
Nhà cung cấp phụ gia	7.330.504.879	6.045.090.570
Nhà cung cấp xi măng	24.191.501.075	20.835.012.101
Nhà cung cấp vật tư, phụ tùng, gia công đá	12.492.676.200	11.170.847.310
Công ty cổ phần Long Hậu ⁽ⁱ⁾	18.634.230.535	-
Nhà cung cấp khác	58.461.659.236	72.817.668.359
Cộng	152.946.722.159	182.383.793.320

- (i) Khoản phải trả do mua lại quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Long Hậu ở Khu Công nghiệp Long Hậu (xem thuyết minh số V.31).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	114.702.456.509	54.775.268.852
Các khoản trả trước mua hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ	48.141.628.298	62.246.141.000
Cộng	162.844.084.807	117.021.409.852

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.139.764.492	1.682.801.751	(5.262.035.830)	560.530.413
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.999.761.559	6.603.792.022	(8.423.553.581)	180.000.000
Thuế xuất, nhập khẩu	103.082.738	1.431.613.390	(1.534.696.128)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	18.980.669.811	11.527.659.881	(20.957.500.483)	9.550.829.209
Thuế thu nhập cá nhân	359.314.935	1.576.136.594	(1.626.217.723)	309.233.806
Phí môi trường	170.490.611	455.590.040	(17.373.000)	608.707.651
Thuế tài nguyên	1.261.731.354	2.238.912.700	(675.051.360)	2.825.592.694
Thu trên vốn	12.098.259	-	-	12.098.259
Các loại thuế khác	26.338.251	62.863.500	(62.863.500)	26.338.251
Cộng	27.053.252.010	25.579.369.878	(38.559.291.605)	14.073.330.283

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa của Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 là 80.067.961 VND được trình bày ở chỉ tiêu thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thi công công trình cho các dự án ODA	0%
- Sản phẩm bê tông, đá	10%
- Các công trình xây dựng	10%
- Dịch vụ vận chuyển	10%
- Hàng hóa khác	5%-10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 30/UĐĐT ngày 15 tháng 11 năm 2006 được cấp bởi Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu tiên Công ty hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập khác của Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất và thu nhập của các công ty con khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần bê tông 6	11.002.973.414	6.482.348.980
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ</i>	<i>6.863.686.997</i>	<i>6.482.348.980</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của các năm trước</i>	<i>4.139.286.417</i>	-
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	520.696.824	1.068.568.592
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	3.989.643	-
Cộng	11.527.659.881	7.550.917.572

Thuế tài nguyên

Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác tại mỏ đá Thường Tân và mỏ cao lanh Đất Cuốc với mức thuế suất như sau:

- Cao lanh khô	5%
- Đất hộp, cát	5%
- Sét, gạch ngói	5%
- Đá xây dựng	6%

Tiền thuê đất

Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất phải trả tiền thuê đất hàng năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00376 ngày 22 tháng 6 năm 2006 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi cấp với thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 11 tháng 10 năm 2054. Công ty được miễn nộp tiền thuê đất trong thời hạn là 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 30/UĐĐT ngày 15 tháng 11 năm 2006 được cấp bởi Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất. Năm 2011 là năm thứ bảy Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất được miễn tiền thuê đất.

Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 100.477,3 m² đất đang sử dụng với mức 331 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 2001/HĐTD ngày 26 tháng 9 năm 2006, diện tích 151.199,4 m² với mức 180 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 1972/HĐTD ngày 16 tháng 11 năm 2007 và diện tích 167.163 m² với mức 950,4 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 65/HĐTD ngày 27 tháng 01 năm 2011.

Tiền thuê đất của các công ty khác trong Tập đoàn được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2011 còn phải trả cho cán bộ công nhân viên.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	-	826.105.703
Chi phí lãi vay	2.576.510.833	3.116.882.083
Chi phí xây nghiền đá	1.535.354.140	-
Chi phí công trình	20.718.101.071	20.571.022.711
Chi phí phải trả khác	263.814.158	543.890.603
Cộng	25.093.780.202	25.057.901.100

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**28. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp kinh phí công đoàn	3.034.816.628	1.113.040.662
Nhận ký quỹ ngắn hạn	-	73.222.000
Cổ tức phải trả	36.635.849.200	1.414.407.200
Các khoản phải trả khác	5.593.769.914	4.824.297.452
Cộng	45.264.435.742	7.424.967.314

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí bảo hành công trình xây lắp.

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	13.359.558.433	3.736.799.904	-	(819.226.429)	16.277.131.908
Quỹ phúc lợi	1.992.575.377	3.265.155.374	(1.062.356)	(991.896.626)	4.264.771.769
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.651.055.082	2.788.763.769	(3.400.000)	(287.498.889)	4.148.919.962
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	1.148.651.021	-	(49.673.010)	-	1.098.978.011
Cộng	18.151.839.913	9.790.719.047	(54.135.366)	(2.098.621.944)	25.789.801.650

31. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả do mua lại quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Long Hậu ở Khu Công nghiệp Long Hậu.

32. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	22.733.859.327	12.544.230.821
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱ⁾	5.117.900.000	5.117.900.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Á- Chi nhánh Quang Vinh	-	310.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi ⁽ⁱⁱ⁾	2.651.391.660	1.158.200.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.264.567.667	5.958.130.821
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam ^(iv)	7.700.000.000	-
Nợ dài hạn	-	34.970.706
Trái phiếu công ty ^(v)	250.000.000.000	-
Cộng	272.733.859.327	12.579.201.527

⁽ⁱ⁾ Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng vay số 149/1210/MTLC/1027616 ngày 07 tháng 12 năm 2010 để mua mới 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270 với lãi suất 18%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính 05 chiếc xe trộn bê tông Hyundai HD270.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008; hạn mức vay là: 4.148.200.000 VND; mục đích vay là đầu tư mở rộng Nhà máy bê tông ly tâm Dung Quất; lãi suất cố định 11,2%/năm, từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 áp dụng lãi suất thả nổi;
 - Hợp đồng số 01/2011/HĐ ngày 29 tháng 01 năm 2011 để đầu tư khuôn cọc vuông ống các loại (bao gồm cả đồ gá khuôn cọc ống); số tiền vay là 830.938.680 VND; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất tiền vay áp dụng từ tháng 4 năm 2011 đến ngày 31 tháng 6 năm 2011 là lãi suất cố định 18%/năm, lãi suất từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 đến tháng 4 năm 2014 áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND của BIDV kỳ hạn 12 tháng trả sau cộng biên độ giao động 4%/năm. Hợp đồng vay này được bảo đảm thanh toán bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2011/HĐTC tháng 01 năm 2011.
 - Hợp đồng số 03/2011/HĐ ngày 15 tháng 4 năm 2011 để đầu tư khuôn cọc vuông các loại; số tiền vay là 745.346.848 VND; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất tiền vay áp dụng từ ngày 15 tháng 4 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 là lãi suất cố định 21%/năm, lãi suất từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 15 tháng 4 năm 2014 áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND của BIDV kỳ hạn 12 tháng trả sau cộng biên độ giao động 7%/năm. Hợp đồng vay này được bảo đảm thanh toán bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HĐTC tháng 4 năm 2011.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 5700L1/1047 ngày 04 tháng 8 năm 2010; hạn mức vay là: 15.000.000.000 VND; mục đích vay là mở rộng Nhà máy sản xuất cọc tròn ứng lực; lãi suất vay 14,5%/năm; thời hạn vay 66 tháng; Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 139/2010/HĐTC/DQ ngày 04 tháng 8 năm 2010; toàn bộ tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và các tài sản khác thuộc dự án Mở rộng Nhà máy sản xuất cọc tròn ứng lực, tổng giá trị tài sản đảm bảo được xác định là 26.957.266.500 VND.
 - Hợp đồng số 5700J1/10418 ngày 08 tháng 7 năm 2010 để đầu tư xe ô tô con 8 chỗ nhãn hiệu Toyota Land Cruiser GX; hạn mức vay là 700.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, nợ gốc được trả hàng quý, mỗi quý 35.000.000 VND. Lãi suất tiền vay bình quân trong năm là 14,5%/năm. Hợp đồng này được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị được xác định là 1.000.000.000 VND.
- (iv) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng vay số 2000-LAV-201103336 ngày 24 tháng 6 năm 2011 để mua cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi với lãi suất tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.
- (v) Trái phiếu được Công ty cổ phần bê tông 6 phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thuật Việt Nam dưới hình thức ghi sổ với mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu để bổ sung vốn hoạt động, tài trợ cho các dự án mà Công ty cổ phần bê tông 6 đang và sắp triển khai. Thời gian đáo hạn của trái phiếu là ngày 09 tháng 6 năm 2015 lãi suất bằng 20% cho năm trả lãi đầu tiên và bằng lãi suất tham chiếu cộng 6%/năm cho các năm trả lãi còn lại. Trái phiếu này được đảm bảo như sau: thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp 01/HĐTC-QTS/TCB-BT6 ngày 08 tháng 6 năm 2011 về quyền sử dụng đất của lô đất C.01, C.02 và C.04 ở Khu Công nghiệp Long Hậu; Cầm cố cổ phiếu của Công ty cổ phần Bê tông 6 do Công ty TNHH một thành viên đầu tư Xuyên Việt, ông Đàm Tuấn Anh và ông Trịnh Thanh Huy đứng tên sở hữu; Cầm cố cổ phiếu của Công ty cổ phần Tri Việt Hội An do ông Huỳnh Bá Thăng Long, Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB, ông Trịnh Thanh Huy và bà Vũ Diễm Linh đứng tên sở hữu.

448-
TY
HỮU
AN VÀ
AN
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	24.075.859.327	1.342.000.000	22.733.859.327
Trái phiếu công ty	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Cộng	274.075.859.327	1.342.000.000	272.733.859.327

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	12.544.230.821	10.499.628.506	(310.000.000)	22.733.859.327
Thuê tài chính	34.970.706	-	(34.970.706)	-
Trái phiếu công ty	-	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Cộng	12.579.201.527	260.499.628.506	(344.970.706)	272.733.859.327

33. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	8.745.813.132	7.500.763.678
Số trích lập bổ sung	10.033.701	40.259.953
Số đã chi	(458.471.792)	(364.753.079)
Số cuối kỳ	8.297.375.041	7.176.270.552

34. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức năm trước	-	19.791.900.000
Tạm ứng cổ tức kỳ này	-	-
Cộng	-	19.791.900.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	10.997.850
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	10.997.850
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

35. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	52.246.441.776	27.885.086.850
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.195.627.634	4.311.498.988
Giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	(4.241.250.376)	-
Tăng do góp vốn trong kỳ	170.000.000	4.972.040.222
Giảm do chia cổ tức	(4.484.783.957)	(2.703.390.378)
Khấu hao quyền khai thác mỏ đá và Cao lanh	(1.192.320.419)	-
Tăng khác	448.730.385	179.609.539
Số cuối kỳ	<u>44.142.445.043</u>	<u>34.644.845.221</u>

36. Nợ khó đòi đã xử lý

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.324.102.290	5.574.755.385
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-	1.749.346.905
Số cuối kỳ	<u>7.324.102.290</u>	<u>7.324.102.290</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây dựng	232.257.486.680	89.401.261.837
Doanh thu sản phẩm bê tông	278.494.945.931	222.261.480.540
Doanh thu khác	100.592.219.576	45.517.709.107
Cộng	<u>611.344.652.187</u>	<u>357.180.451.484</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây dựng	194.242.213.504	66.020.350.127
Giá vốn của sản phẩm bê tông	230.246.643.782	183.320.160.359
Giá vốn khác	86.544.785.998	31.073.912.388
Cộng	<u>511.033.643.284</u>	<u>280.414.422.874</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	444.600.351	283.140.607
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.115.713.309	994.797.148
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.200.000.000	3.929.500.273
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	108.150.000
Lãi do mua thêm phần vốn của Công ty con	1.626.817.067	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	137.393.990	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	155.680.178	-
Cộng	5.680.204.895	5.315.588.028

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	30.916.894.543	7.212.444.449
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.016.109.882	1.911.208.782
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	525.000.000	1.000.000.000
Phí phát hành trái phiếu	104.166.667	-
Chi phí chuyển nhượng cổ phần	125.951.408	-
Chi phí tài chính khác	27.810.302	-
Cộng	36.715.932.802	10.123.653.231

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	22.800.000
Chi phí nhân công	1.110.962.113	935.097.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.684.441	94.583.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	893.412.901	1.479.313.882
Chi phí khác	3.119.181.968	3.257.083.835
Cộng	5.215.241.423	5.788.878.935

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.627.548.486	806.767.546
Chi phí nhân công	15.016.598.875	11.395.035.583
Chi phí khấu hao tài sản cố định	495.547.494	498.338.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.092.913	314.936.282
Phân bổ lợi thế thương mại	3.369.021.846	2.683.625.218
Chi phí khác	13.401.135.954	12.836.274.335
Cộng	34.290.945.568	28.534.977.392

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.101.541.908	-
Thanh lý công cụ dụng cụ (bán sắt vụn)	-	43.094.000
Các khoản thu nhập khác	2.393.094	1.148.932.192
Cộng	1.103.935.002	1.192.026.192

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	203.553.741	-
Phạt vi phạm hợp đồng	151.589.500	-
Truy thu và phạt thuế	1.355.267.301	9.586.463
Phạt nợ quá hạn, lãi chậm nộp	-	3.061.011
Các khoản chi phí khác	200.637.136	531.313.624
Cộng	1.911.047.678	543.961.098

9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh	61.490.348	-
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An	576.396.368	-
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	(106.161.674)	-
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	(1.322.214.070)	-
Cộng	(790.489.028)	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	15.448.204.786	25.196.014.918
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.448.204.786	25.196.014.918
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.993.550	32.993.550
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	468	764
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.997.850	10.997.850
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thưởng năm 2011	21.995.700	21.995.700
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.993.550	32.993.550

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Năm 2011 Công ty cổ phần bê tông 6 đã tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.291 VND xuống còn 764 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua quyền sử dụng đất bằng cách nhận khoản nợ	84.240.665.455	-
Phát hành trái phiếu không nhận bằng tiền	5.500.000.000	-
Vay cổ đông từ cổ tức phải trả	2.227.892.000	-
Cộng	91.968.557.455	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Hiện Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đang bị Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hà Nam kiện vì không tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 16/HĐKT/2008 ngày 07 tháng 5 năm 2008 và đòi bồi thường thiệt hại là 2.574.548.800 VND. Đến thời điểm hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng của Tòa án về yêu cầu của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hà Nam.

Ngoài ra, Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 cũng đang bị Xí nghiệp Xây dựng & Phát triển hạ tầng thuộc Tổng Công ty xây dựng Sài Gòn yêu cầu thanh toán chi phí bồi thường do xảy ra sự cố thi công tại công trình Chung cư SGC Nguyễn Cửu Vân với số tiền 1.060.000.000 VND và các chi phí liên quan khác (phạt vi phạm hợp đồng, chi phí tư vấn giám sát, chi phí quản lý dự án và các chi phí thiệt hại do chậm hoàn thành công trình để đưa vào khai thác, kinh doanh làm phát sinh tăng chi phí đầu tư do biến động giá vật tư, vật liệu,...). Hiện Ban Giám đốc Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 đang đàm phán về yêu cầu bồi thường này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông 6 và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong kỳ, Ông Trịnh Thanh Huy và Bà Vũ Diễm Linh đã cầm cố 15.200 cổ phiếu của Công ty cổ phần Trại Việt Hội An và 4.400.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bê tông 6 để bảo lãnh cho Công ty cổ phần Bê tông 6 phát hành trái phiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao	1.768.228.491	1.328.454.419
Tiền thưởng	8.500.000	248.551.325
Cộng	1.776.728.491	1.577.005.744

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh	Công ty liên kết chiếm 20,83% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	Công ty liên kết chiếm 45,00% vốn điều lệ
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Công ty liên kết chiếm 30,00% vốn điều lệ
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An	Công ty liên kết chiếm 38,10% vốn điều lệ
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm	Công ty liên kết chiếm 24,75% vốn điều lệ
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty liên kết chiếm 22,00% vốn điều lệ
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6	Cổ đông chiếm 5,93% vốn điều lệ và Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cũng là Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6.
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH quản lý đầu tư BTA	Công ty có cùng thành viên hội đồng quản trị
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam	Công ty có cùng thành viên hội đồng quản trị
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB	Công ty có cùng thành viên hội đồng quản trị
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt	Cổ đông lớn chiếm 10,22% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng Công Nghiệp	Công ty có cùng thành viên hội đồng quản trị
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	Công ty liên kết chiếm 39,94% vốn điều lệ
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	Công ty liên kết chiếm 39,94% vốn điều lệ
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk	Công ty liên kết chiếm 49,93% vốn điều lệ
Công ty cổ phần đá Hoa Tân An	Đầu tư dài hạn khác chiếm 15,55% vốn điều lệ – có cùng Tổng Giám đốc với Công ty liên kết
Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng	Công ty có quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị của Công ty liên kết
Công ty TNHH Tân Thanh Bình	Công ty có quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị của Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Phước Đạt	Công ty có quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị của Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần bê tông 620 Bình Minh		
Bán sản phẩm bê tông	1.137.459.797	11.412.982.000
Mua bê tông tươi và vận chuyển	4.307.200.000	172.000.000
Cho thuê máy móc thiết bị	1.350.000.000	-
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An		
Thuê xe, bán sản phẩm	-	1.616.988.000
Mua sản phẩm, thuê nhân công	-	4.121.890.980
Gia công đầm		-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An		
Thi công công trình	40.249.300.465	2.955.734.010
Ứng trước thi công công trình	71.153.613.791	16.400.000.000
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB		
Mua nguyên vật liệu	189.287.848.341	-
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam		
Thi công công trình	-	7.787.407.408
Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng		
Dịch vụ đào cuốc, bốc tăng phủ, vận chuyển	3.972.669.002	3.410.754.965
Mua xăng, dầu, điện	1.186.715.450	1.240.194.169
Công ty TNHH Tân Thanh Bình		
Xây xúc đá	4.286.249.405	5.152.927.389
Mua xăng, dầu, điện	611.552.000	1.354.802.416
Công ty cổ phần đá Hoa Tân An		
Mua đá xây dựng	953.659.309	821.536.363
Lãi cổ tức	2.200.000.000	3.850.000.000
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Phước Đạt		
Nhập mua xi măng	-	815.728.936
Phí vận chuyển	2.565.118.714	1.338.798.827
Thi công đóng cọc	632.417.227	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre		
Bán sản phẩm Bê tông	1.531.194.600	1.531.194.601
Vay hộ	2.109.460.846	2.109.460.846
Cổ tức phải thu	87.043.333	87.043.333
Cho mượn	100.000.000	100.000.000
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh		
Bán sản phẩm bê tông	4.509.109.131	2.021.649.334
Cổ tức được chia	2.750.000.000	2.750.000.000
Thu hồi vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Bình Minh	3.274.620.871	3.274.620.871
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		
Thi công công trình	3.531.893.485	3.531.893.485
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6		
Thi công công trình	2.534.250.082	2.619.726.668

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt		
Cho vay	80.230.248.344	76.710.247.544
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB		
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	177.687.260.214	-
Công ty cổ phần đá Hoa Tân An		
Lãi cho vay	510.448.320	510.448.320
Cổ tức	3.301.000.000	5.101.000.000
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An		
Cổ tức được chia	-	1.120.000.000
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Phước Đạt		
Ứng trước tiền thi công, đóng cọc và tiền vận chuyển	2.420.805.339	1.302.894.873
Cộng nợ phải thu	<u>284.577.334.565</u>	<u>102.770.179.875</u>
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh		
Mua sản phẩm bê tông	4.307.200.000	-
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An		
Mua cổ phần của Công ty cổ phần khoáng sản Tân Uyên Fico		-
Ứng trước thi công công trình	67.399.316.171	16.327.924.251
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB		
Mua nguyên vật liệu	-	24.237.827.480
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Việt Nam		
Thi công công trình	7.631.577.473	7.631.577.473
Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng		
Dịch vụ đào cuốc, bốc tải phù	1.353.587.188	719.038.280
Công ty TNHH Tân Thanh Bình		
Xây xúc đá	4.703.114.576	6.580.947.433
Công ty cổ phần đá Hoa Tân An		
Mua hàng hóa	2.088.072.799	1.039.047.560
Cộng nợ phải trả	<u>87.482.868.207</u>	<u>56.536.362.477</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động xây dựng.
- Hoạt động bán sản phẩm bê tông.
- Hoạt động khác bao gồm: bán đá, bán vật tư, dịch vụ lao phóng, vận chuyển và giám sát.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 2 đính kèm

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Thuê hoạt động

Công ty cổ phần bê tông 6 thuê văn phòng tại tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico thuê đất với tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.905.377.689	60.473.878
Trên 1 năm đến 5 năm	15.781.773.019	241.895.513
Trên 5 năm	5.265.569.518	1.426.922.853
Cộng	24.952.720.226	1.729.292.244

Bình Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2011

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

Võ Thanh Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Di An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	109.978.500.000	122.689.948.000	(130.247.681)	62.558.352.834	6.733.332.683	86.923.011.757	388.752.897.593
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	95.780.890.590	95.780.890.590
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(19.796.130.000)	(19.796.130.000)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	49.736.665.133	1.519.583.629	(59.150.957.513)	(7.894.708.751)
Kết chuyển Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.215.911.991	(8.215.911.991)	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm	-	-	130.247.681	-	-	-	130.247.681
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	841.347.238	-	-	-	841.347.238
Tăng, giảm khác	-	-	-	(4.855.796)	(4.145.716)	95.403.197	86.401.685
Số dư cuối năm trước	109.978.500.000	122.689.948.000	841.347.238	120.506.074.162	32.858.605	103.852.218.031	457.900.946.036
Số dư đầu năm nay	109.978.500.000	122.689.948.000	841.347.238	120.506.074.162	32.858.605	103.852.218.031	457.900.946.036
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	97.267.052.000	-	-	(97.267.052.000)	-	-	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	122.689.948.000	(122.689.948.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	15.448.204.786	15.448.204.786
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(32.993.550.000)	(32.993.550.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	33.835.455.410	144.416.201	(43.536.760.637)	(9.556.889.026)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm	-	-	(841.347.238)	-	-	-	(841.347.238)
Tăng, giảm khác	-	-	-	141.194.597	103.641.573	115.922.148	360.758.318
Số dư cuối kỳ	329.935.500.000	-	-	57.215.672.169	280.916.379	42.886.034.328	430.318.122.876

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6
 NGUYỄN TRUNG HẬU
 Tổng Giám đốc

Võ Thanh Trí
 Kế toán trưởng

Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Người lập biểu

Ngày 01 tháng 9 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Di An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Xây dựng	Sản phẩm bộ tổng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	232.257.486.680	278.494.945.931	100.592.219.576	-	611.344.652.187
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	3.516.061.486	4.255.159.704	(7.771.221.190)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.257.486.680	282.011.007.417	104.847.379.280	(7.771.221.190)	611.344.652.187
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	38.015.273.176	49.608.293.241	15.243.422.253	(7.771.221.190)	95.095.767.480
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(34.290.945.568)
Doanh thu hoạt động tài chính					60.804.821.912
Chi phí tài chính					5.680.204.895
Thu nhập khác					(36.715.932.802)
Chi phí khác					1.103.935.002
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					(1.911.047.678)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(790.489.028)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(11.527.659.881)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	531.725.042	(1.322.214.070)	-	16.643.832.420
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.999.885.170	54.452.982.004	5.561.984.484	-	70.014.851.658
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.218.563.894	13.059.084.171	4.036.592.641	-	19.314.240.706
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	2.306.537.880	-	2.306.537.880

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kỳ trước	Xây dựng	Sản phẩm bê tông	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	89.401.261.837	222.261.480.540	45.517.709.107	-	357.180.451.484
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	11.983.388.851	16.920.220.365	(28.903.609.216)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.401.261.837	234.244.869.391	62.437.929.472	(28.903.609.216)	357.180.451.484
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.380.911.710	48.308.337.336	28.191.509.845	(28.903.609.216)	70.977.149.675
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(28.534.977.392)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					42.442.172.283
Doanh thu hoạt động tài chính					5.315.588.028
Chi phí tài chính					(10.123.633.231)
Thu nhập khác					1.192.026.192
Chi phí khác					(543.961.098)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.550.917.572)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.223.740.696)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	29.507.513.906
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	82.000.000	2.257.751.863	1.572.316.304	-	3.912.068.167
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.420.681.652	9.281.931.432	2.832.198.961	-	13.534.812.045
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	40.259.953	-	40.259.953

Bình Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2011



Signature

Võ Thanh Trí
Kế toán trưởng

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

